

Họ tên _____
Lớp _____

18.3.1

ÔN TẬP

Bài 1. Tính.

a. $215 \times 43 =$

b. $234 \times 52 =$

c. $11151 : 27 =$

d. $10112 : 32 =$

Bài 2. Tính bằng cách hợp lý.

a. $389 \times 36 + 389 \times 64$

b. $101 \times 55 - 55$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c. $45 \times 44 - 90 \times 22$

d. $1996 + 3992 + 5988 + 7984$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Điền dấu >, < hoặc = thích hợp vào chỗ trống.

a. $501 \text{ kg} \dots\dots 5 \text{ tấn}$

b. $202 \text{ kg} \dots\dots 2 \text{ tạ}$

c. $34 \text{ yến} \dots\dots 340 \text{ kg}$

d. $6 \text{ tạ } 2 \text{ yến} \dots\dots 61 \text{ kg}$

e. $4000 \text{ g} \dots\dots 4 \text{ kg}$

g. $6 \text{ tạ } 2 \text{ yến} \dots\dots 620 \text{ yến}$

Bài 4. Bài kiểm tra Toán cuối tuần trước (thang điểm 100), trong đó có 12 bạn, mỗi bạn được 68 điểm và có 8 bạn, mỗi bạn được 73 điểm. Tính điểm trung bình của bài kiểm tra đó.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5 (Thử thách phụ). Tìm y , biết:

a. $y + 13 = 413 + 20$

.....

.....

.....

.....

b. $348 : (24 : y) = 29$

.....

.....

.....

.....

c. $817 - y : 10 = 17$

.....

.....

.....

.....

d. $1200 : 24 - (20 - y) = 40$

.....

.....

.....

.....

e. $274 + 162 : y = 328$

.....

.....

.....

.....

g. $y + y + 1 + y + 2 = 30$

.....

.....

.....

.....